

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; số 5003/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn tại Văn bản số 08/CV-VS ngày 08/5/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 447/TTr-SNNMT ngày 21/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn, thực hiện tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn.

2. Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn: Có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Chủ tịch UBND xã Hà Tân, Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn.
- + Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Nhà ông Trần Văn Thái, thôn Trung Tâm, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích khu vực thực hiện Dự án: 4,16 ha thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Ranh giới tọa độ khu đất cụ thể như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105 ⁰ 00', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2216616.83	584966.41
2	2216585.94	585090.41
3	2216458.00	585081.63
4	2216458.00	585258.95
5	2216390.10	585258.30
6	2216390.10	585170.40
7	2216316.04	585170.73
8	2216338.67	585038.13
9	2216385.88	585064.29
10	2216433.35	584978.84
11	2216539.10	584979.54
12	2216591.80	584944.19

- Công suất khai thác: 100.000 m³/năm;
- Tuổi thọ mỏ dự kiến: 22 năm 6 tháng, trong đó: thời gian xây dựng cơ bản là 9 tháng (thời gian khai thác chính thức theo cấp thẩm quyền cấp phép).

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: Mỏ khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp đứng cắt tầng, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân moong khai thác và bán trực tiếp cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn và khu vực lân cận vận tải bằng ô tô của đơn vị mua.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn, cắt dây kim cương → bốc xúc → tiêu thụ.

1.4. Phạm vi

- Diện tích khu vực khai thác (bao gồm cả khu vực xây dựng các hạng mục công trình của Dự án: 4,16 ha.

- Các hạng mục công trình của Dự án: Tuyến đường công nhân lên núi (dài 33m x rộng 1,5 m); diện công tác ban đầu (diện tích 150m²); mặt bằng sân công nghiệp (diện tích 300m²); trạm cân di động (120 tấn); rãnh thoát nước (dài 22mx rộng 0,8mx sâu 0,6m).

- Các công trình không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: 01 Nhà vệ sinh di động (dung tích bồn nước chứa nước 400 lít, dung tích bồn chứa phân 1.200 lít); 01 Ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m³); kho vật liệu nổ (diện tích 42 m²); kho chứa CTNH (diện tích: 15 m²) thuộc khu vực mỏ khai thác của Công ty TNHH Hoàng Tuấn tiếp giáp Dự án (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Hoạt động của Dự án: Các hoạt động của Dự án gồm xây dựng cơ bản mỏ; khai thác, xúc bốc, vận chuyển sản phẩm, chất thải,... trong giai đoạn xây dựng và khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng các công trình của Dự án

- Quá trình xây dựng cơ bản làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mỏ.

2.2. Giai đoạn khai thác Dự án

- Hoạt động khoan, nổ mìn, hoạt động của các thiết bị xúc bốc làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó: nước thải rửa tay chân khoảng $0,2\text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải vệ sinh khoảng $0,3\text{ m}^3/\text{ngày}$). Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh ngày lớn nhất khoảng $1,4\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất khoảng $2.132,92\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải rửa xe phát sinh ngày lớn nhất khoảng $1,0\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất: khoảng $2.132,92\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó, lượng nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực sân công nghiệp khoảng $15,12\text{m}^3/\text{ngày}$; lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực sườn núi giáp khu mỏ Công ty TNHH Hoàng Tuấn khoảng $446\text{ m}^3/\text{ngày}$; lượng nước mưa phát sinh từ khu vực khai thác khoảng $1.671,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh do hoạt động thi công đào đắp có nồng độ: $0,213345\text{mg}/\text{m}^3$ (đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT) và đạt QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (QCVN 02:2019/BYT)).

- Bụi phát sinh do hoạt động của máy móc thi công: nồng độ bụi: 0,21300 mg/m³; nồng độ SO₂: 0,08760 mg/m³; nồng độ NO₂: 0,09000mg/m³; nồng độ CO: 5,78001 mg/m³ (tất cả các chỉ tiêu đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 02:2019/BYT).

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu; nồng độ bụi phát sinh: 0,338 mg/m³ (vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT 1,1 lần; đạt giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT); nồng độ SO₂: 0,088mg/m³; nồng độ NO₂: 0,090 mg/m³; nồng độ CO: 5,780 mg/m³ (đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05: 2023/BTNMT).

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh từ hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn có nồng độ 3,27mg/m³ (vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT: 10,9 lần; đạt giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT).

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xúc bốc: Bụi có nồng độ 1,8733 mg/m³ (vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT: 6,2 lần; đạt giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT); SO₂: 0,0012 mg/m³; NO₂: 0,036mg/m³; CO: 0,015 mg/m³ (các chỉ tiêu này đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT).

- Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác đá khối bằng phương pháp cắt dây kim cương có nồng độ: 0,022 mg/m³ (đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 02:2019/BYT).

- Bụi, khí thải (SO₂, NO₂, CO,...) phát sinh từ hoạt động vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ: Với số chuyến xe tối đa hoạt động trong ngày là 192 chuyến, nồng độ bụi phát sinh: 1,8359 mg/m³ (vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT 6,1 lần và đạt QCVN 02:2019/BYT); nồng độ SO₂: 0,0951mg/m³; nồng độ NO₂: 0,1274 mg/m³; nồng độ CO: 5,9895 mg/m³ (đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05: 2023/BTNMT).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn:

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng 4,0kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng cơ bản mở. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, vỏ chai, túi nilon.

- Khối lượng đất đào dư thừa phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở khoảng 1.828,6m³. Thành phần: đất, đá.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ngày lớn nhất khoảng 6,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, chai nhựa, túi nilon.

- Đất đá thải (đất san lấp) phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 9.019 m³/năm.

- Khối lượng thực vật phát quang khoảng 945,5kg/năm. Thành phần chủ yếu: cây cỏ,...

3.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: phát sinh tối đa khoảng 45,0 lít/quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu: dầu thải.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh tối đa khoảng 36,0 kg/quá trình thi công xây dựng chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải, pin,...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: phát sinh tối đa khoảng 15,0 lít/tháng.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 3,0 kg/tháng từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, ắc quy thải, pin,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động khai thác đá khối bằng phương pháp cắt dây kim cương, vận chuyển, bốc xúc từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công xây dựng: Các rủi ro, sự cố môi trường: tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

- Giai đoạn vận hành: Các rủi ro, sự cố môi trường: sạt lở bờ moong khai thác, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện): sử dụng chung nhà vệ sinh di động với Công ty TNHH Hoàng Tuấn bên cạnh khu mỏ (dung tích bồn nước chứa nước 400 lít, dung tích bồn chứa phân 1.200 lít); định kỳ 02 ngày/lần, Công ty TNHH Hoàng Tuấn hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân: thu gom vào 01 hố lắng có thể tích $3,0\text{ m}^3$ (kích thước $2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,0\text{m}$; đáy và thành được phủ bạt nhựa HDPE để chống thấm) tại khu vực mỏ của Công ty TNHH Hoàng Tuấn (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Đối với nước thải rửa lốp bánh xe → Mương thu nước $0,8\text{m} \times 0,6\text{m}$ → ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m^3) của Công ty TNHH Hoàng Tuấn, nước sau lắng được sử dụng tuần hoàn phục vụ quá trình giảm bụi trong khu vực mỏ, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp và khu vực sườn núi giáp khu mỏ Công ty TNHH Hoàng Tuấn → mương thu nước $0,8\text{m} \times 0,6\text{m}$ → ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m^3) của Công ty TNHH Hoàng Tuấn (bên cạnh dự án). Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác của mỏ được thoát theo địa hình tự nhiên và tự thấm vào các khe, vách đá của khu mỏ.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện): sử dụng chung 01 nhà vệ sinh di động với khu mỏ của Công ty TNHH Hoàng Tuấn tiếp giáp dự án (dung tích bồn nước chứa nước 400 lít, dung tích bồn chứa phân 1.200 lít); định kỳ 02 ngày/lần, Công ty TNHH Hoàng Tuấn hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

+ Nước thải từ quá trình rửa tay chân: thu gom vào 01 hố lắng có thể tích $3,0\text{m}^3$ (kích thước $2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,0\text{m}$; đáy và thành được phủ bạt nhựa HDPE để chống thấm) tại khu vực mỏ của Công ty TNHH Hoàng Tuấn → tuần hoàn tái sử dụng phục vụ rửa xe, phun ẩm giảm bụi (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Nước thải rửa lốp bánh xe phát sinh tại Dự án → Rãnh thu nước (kích thước $0,8 \times 0,6\text{m}$) → Ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m^3) của Công ty TNHH Hoàng Tuấn tiếp giáp dự án (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Nước mưa chảy tràn từ khu vực sân công nghiệp và khu vực sườn núi giáp khu mỏ Công ty TNHH Hoàng Tuấn → mương thu gom (kích thước $22\text{m} \times 0,8 \times 0,6\text{m}$) → Ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m^3) của Công ty TNHH Hoàng Tuấn (tiếp giáp dự án) (Theo hợp đồng số 01a/2025/HĐNT về việc sử dụng chung các công trình phục vụ khai thác giữa Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Công ty CP Sản xuất và Thương mại thiết bị Vũ Sơn).

- Nước thải sau xử lý tại ao lắng 3 ngăn (thể tích 1.215m³) của Công ty TNHH Hoàng Tuấn (tiếp giáp dự án) đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, (cột B); nước thải sau lắng được tuần hoàn tái sử dụng phục vụ giảm bụi trong khu vực mỏ; phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực; bùn, đất lắng cặn tại ao lắng được Công ty phối hợp với Công ty TNHH Hoàng Tuấn thực hiện định kỳ nạo vét, thu gom.

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn từ khu vực sân công nghiệp và khu vực sườn núi giáp khu mỏ Công ty TNHH Hoàng Tuấn được thu gom, dẫn về ao lắng của Công ty TNHH Hoàng Tuấn để lắng trước khi tuần hoàn tái sử dụng hoặc thoát ra mương thoát nước chung của khu vực; đảm bảo không ảnh hưởng đến khu vực nhà dân, tuyến đường giao thông khu vực; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Định kỳ nạo vét các mương rãnh thu gom nước mưa khu vực Dự án; phối hợp với Công ty TNHH Hoàng Tuấn thực hiện định kỳ nạo vét, thu gom mương rãnh thoát nước và ao lắng 3 ngăn của Công ty TNHH Hoàng Tuấn.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các khu vực thi công với tần suất 04 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản.

- Trồng, bổ sung cây dọc tuyến đường vận chuyển nội mỏ.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, không chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng khối lượng thuốc nổ trong 1 đợt nổ (349 kg); đúng đường kính lỗ khoan (từ 76 ÷ 110mm) để đảm bảo khoảng cách an toàn đối với người (450 m) và công trình (225 m) do đá văng, chấn động và sóng xung kích trong không khí khi quá trình nổ mìn.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các khu vực khai thác và dọc tuyến đường vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ với tần suất 4 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Duy trì dải cây xanh, trồng dặm tại các khu vực đã trồng cây từ giai đoạn thi công xây dựng.

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Các phương tiện vận chuyển phải thực hiện che phủ bạt; vận chuyển theo đúng tải trọng cho phép; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ khi để xảy ra rơi vãi nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

- Không tiến hành khai thác, vận chuyển vào những ngày mưa; kiểm soát lưu lượng chỉ được phép vận chuyển trên cùng một tuyến đường tối đa 192 chuyến/ngày.

4.1.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, khai thác của Dự án.

- Thực hiện vận chuyển với số chuyến xe đảm bảo theo yêu cầu nêu trên.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tại vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án vào các thùng chứa (loại 60 lít; 100 lít) tập kết tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt của Công ty TNHH Hoàng Tuấn;

- Khối lượng đất đào dư thừa sau khi thi công tuyến đường nội mỏ, tạo mặt bằng diện công tác ban đầu,... phát sinh trong xây dựng cơ bản mỏ: thu gom, bán cho các đơn vị thi công xây dựng các dự án trên địa bàn huyện và các khu vực lân cận.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án được thu gom, tập kết tại các thùng chứa (loại 60 lít; 100 lít) khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt của Công ty TNHH Hoàng Tuấn; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 02 lần/ngày.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải (đất san lấp) một phần tận dụng để san lấp tuyến đường nội mỏ; phần còn lại bán cho các đơn vị thi công xây dựng các dự án trên địa bàn huyện và các khu vực lân cận.

4.2.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Thực hiện đúng quy định của Luật Khoáng sản đối với khối lượng đất san lấp được bán cho các đơn vị khác trên địa bàn.

- Chủ đầu tư phối hợp với Công ty TNHH Hoàng Tuấn định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh: phân loại, thu gom, chứa trong các thùng chứa chuyên dụng (thùng 100 lít và thùng 200 lít) có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực kho CTNH diện tích 15m² của Công ty TNHH Hoàng Tuấn (tiếp giáp khu mỏ).

4.2.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Chủ đầu tư phối hợp với Công ty TNHH Hoàng Tuấn định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

- Lắp đệm cao su chống ồn, chống rung tại các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung, hộp dầu giảm chấn,...

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân;

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cậy gỡ đá treo, đá om trên các sườn tầng; cấm biển báo nguy hiểm; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.

- Đối với khu vực xây dựng các hạng mục công trình:

+ San lấp mương thoát nước;

+ Tháo dỡ cột điện, đường dây điện;

+ Di dời máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực mỏ;

+ Trám giếng khoan.

- Đối với khu vực xung quanh: Cải tạo đường giao thông ngoài mỏ và nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường ngoài mỏ.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Khu vực khai thác		
1	Cây gỗ đá treo bằng thủ công	m ³	13,5
2	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0, 7x0, 7x0, 7m	cái	5
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	5
4	Mua đất màu	m ³	2.630
6	Chi phí vận chuyển đất màu cự ly >1000m	100m ³	26,30
6	San gạt đất bằng máy ủi 110 CV	100 m ³	78,900
7	Trồng cỏ gừng	100m ²	42,08
B	Khu vực xây dựng các công trình		
1	Tháo dỡ cột điện	tấn	0,3
2	Tháo dỡ dây cáp điện	công	1,0
3	Lắp rãnh thoát nước	m ³	10,6
4	Trám lấp giếng	m ³	0,88
5	Di dời máy móc thiết bị, trạm cân di động	chuyến	2
C	Khu vực xung quanh		
1	San gạt lại mặt đường bằng máy ủi	100m ²	90
2	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	2,4

4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **306.683.550 đồng**.

- Số lần ký quỹ 22 lần:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (15%): **46.002.532 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ 21 (hai mươi một) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **12.413.382 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2025. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Ban Quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng chống thiên tai.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.
- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở (nhất là sau các trận mưa lớn).
- Công tác phòng chống mưa bão: lập kế hoạch chống bão trong sản xuất kinh doanh, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áp phao, dây neo, áo quần đi mưa,...
- Lập phương án phòng ngừa sự cố liên quan tới vỡ/tràn hồ lắng, trượt lở moong khai thác.
- Thường xuyên nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, định kỳ tiến hành kiểm tra trình độ, kiến thức về an toàn lao động.
- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, sửa đổi tại khoản 46, khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và tự động nước thải, khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế tối đa việc tập kết các xe vận chuyển dọc các tuyến đường giao thông; kiểm soát phương tiện vận chuyển, không vận chuyển trên cùng một tuyến đường quá 192 chuyến/ngày.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.